| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 425/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11/2021
V/v tranh chấp ly hôn

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Bùi Thị Tố Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Hòa Bình

2. Ông Nguyễn Như Thủy

*- Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2021 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1982 (có mặt)
Địa chỉ: Số B đường L, phường T, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982 (có mặt)
Địa chỉ: Số B đường L, phường T, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2021 của nguyên đơn ông Hồ Văn T, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2003, quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/5/2003. Do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông T và bà T có 03 con chung là: Hồ Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 29/9/2004; Hồ Nguyễn Trung H, sinh ngày 06/5/2006; Hồ Trung D, sinh ngày 19/9/2016.

Ông T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Hồ Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 29/9/2004 và Hồ Trung D, sinh ngày 19/9/2016, ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hồ Nguyễn Trung H, sinh ngày 06/5/2006, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, cho đến khi trẻ trưởng thành.

- Tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có.

* Bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T đồng ý với lời trình bày của ông T về việc tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn, nay ông T yêu cầu ly hôn, bà T không đồng ý ly hôn với ông T, vì đã biết lỗi và xin được sửa đổi để hàn gắn.

- Về con chung: Bà T và ông T có 03 con chung là: Hồ Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 29/9/2004; Hồ Nguyễn Trung H, sinh ngày 06/5/2006; Hồ Trung D, sinh ngày 19/9/2016.

Nếu ly hôn, bà T đồng ý giao 02 trẻ Hồ Trung D, sinh ngày 19/9/2016 và trẻ Hồ Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 29/9/2004 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con, bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ: Hồ Nguyễn Trung H, sinh ngày 06/5/2006, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, cho đến khi trẻ trưởng thành.

- Tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Hồ Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có nơi cư trú tại Quận 7 nên căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2003, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/5/2003, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn gia đình: Ông T và bà T kết hôn năm 2003. Theo ông T, hai vợ chồng sống hạnh phúc được 13 năm thì xảy ra cãi vã do bà T không quan tâm đến gia đình, chồng con, thường xuyên cờ bạc, gây nợ, làm ảnh hưởng đến tinh thần của các con, dù ông T nhiều lần khuyên can nhưng bà T không sửa đổi, nên hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm bị sức mẻ, ông T bà T đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Nay ông T không còn tình cảm với bà T, cuộc sống hôn nhân không như ý, nên ông T yêu cầu ly hôn với bà T.

Tại phiên tòa bà T có lời khai không đồng ý ly hôn với ông T, vì bà T cho rằng đã biết lỗi và sẽ sửa đổi.

Xét, giữa ông T và bà T sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã. Ông T đã một lần gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7, nhưng ông T đã rút đơn là ông T có thiện chí để cho bà T có cơ hội sửa đổi tính nết, nhưng bà T vẫn không thay đổi. Nay ông T không còn tình cảm với bà T, hai người mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến đời sống của nhau là mâu thuẫn đã đến lúc trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T không đồng ý ly hôn với ông T vì cho rằng đã biết lỗi và muốn sửa sai nhưng ông T vẫn cương quyết ly hôn vì ông T đã cho bà T thời gian sửa đổi, nhưng bà T không thay đổi nên không thể tiếp tục chấp nhận được cách sống của bà T.

Do đó việc ông T yêu cầu ly hôn với bà T là có cơ sở, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[2.3] Về con chung: Căn cứ Trích lục khai sinh (bản sao) số 125/TLKS-BS, ngày 10/10/2016 được cấp bởi Ủy ban nhân phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Trích lục khai sinh (bản sao) số 138/TLKS-BS, ngày 24/10/2016 được cấp bởi Ủy ban nhân phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Trích lục khai sinh (bản sao) số 478/TLKS-BS, ngày 01/10/2016 được cấp bởi Ủy ban nhân phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở để xác định ông T và bà T có 03 con chung tên là trẻ Hồ Nguyễn Trúc Q sinh ngày 29/9/2004; Hồ Nguyễn Trung H sinh ngày 06/5/2006; Hồ Trung D sinh ngày 19/9/2016.

Ông T, bà T tự thỏa thuận, ông T trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Hồ Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 29/9/2004 và Hồ Trung D, sinh ngày 19/9/2016, không yêu cầu bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hồ Nguyễn Trung H, sinh ngày 06/5/2006, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Xét, trẻ Hồ Nguyễn Trúc Q có nguyện vọng được ở với ba là ông T, trẻ Hồ Nguyễn Trung H có nguyện vọng được ở với mẹ là bà T là nên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Do đó Hội đồng xét xử giao 02 trẻ Hồ Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 29/9/2004 và Hồ Trung D, sinh ngày 19/9/2016 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Giao trẻ Hồ Nguyễn Trung H, sinh ngày 06/5/2006, cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ trưởng thành, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng, thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, và chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Hồ Văn T.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

[1.2] Về con chung: Giao 02 trẻ Hồ Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 29/9/2004 và Hồ Trung D, sinh ngày 19/9/2016 cho ông Hồ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Văn T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Giao trẻ Hồ Nguyễn Trung H, sinh ngày 06/5/2006 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ thành niên. Ông Hồ Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng, thực hiện cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trường hợp ông Hồ Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Hồ Văn T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Hồ Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[1.3] Tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, ông Hồ Văn T phải chịu. Ông Hồ Văn T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0042617 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Hồ Văn T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[3] Quyền kháng cáo:

Ông Hồ Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- UBND p. Tân Phong, Q.7;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Tố Nhân**